

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 958/QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 18 tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình
Tuyến đường từ đường tỉnh 520 đến Quốc lộ 45 vào Khu du lịch sinh thái
Bến En, huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hoá**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 9054/BKHĐT-KTĐV ngày 29/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án tuyến đường từ đường tỉnh 520 đến Quốc lộ 45 vào Khu du lịch sinh thái Bến En, huyện Như Thanh;

Căn cứ Công văn số 467b/CV-HĐND ngày 30/10/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa về quyết định chủ trương đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường tỉnh 520 đến Quốc lộ 45 vào Khu du lịch sinh thái Bến En, huyện Như Thanh;

Xét Tờ trình số 23/Tr-UBND ngày 14/3/2016 của UBND huyện Như Thanh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường tỉnh 520 đến Quốc lộ 45 vào Khu du lịch sinh thái Bến En, huyện Như Thanh, kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 941/SGTVT-TĐKHKT ngày 14/3/2016 của Sở Giao thông vận tải; Tờ trình số 833/SKHĐT-TĐ ngày 16/3/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường tỉnh 520 đến Quốc lộ 45 vào Khu du lịch sinh thái Bến En, huyện Như Thanh với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường tỉnh 520 đến Quốc lộ 45 vào Khu du lịch sinh thái Bến En, huyện Như Thanh.

2. Chủ đầu tư: UBND huyện Như Thanh.

3. Đơn vị tư vấn lập dự án: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng và Thương mại Đại Việt.

4. Chủ nhiệm lập dự án: Trịnh Văn Vũ.

5. Mục tiêu đầu tư: Tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân và khách du lịch đến với Khu du lịch sinh thái Bến En, từng bước hiện thực hóa quy hoạch được duyệt, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

6. Nội dung và quy mô đầu tư

6.1. Quy mô đầu tư: Đầu tư xây dựng tuyến đường cũ đạt quy mô đường cấp IV đồng bằng, chiều dài 5.369m.

- Điểm đầu: Km0+00 giao với đường tỉnh 520 tại Km23+880 thuộc địa phận xã Hải Vân, huyện Như Thanh.

- Điểm cuối: Km5+742,78 tại Khu du lịch sinh thái Bến En, xã Hải Long, huyện Như Thanh.

(Đoạn từ Km3+526 - Km3+900 trùng với Quốc lộ 45 không đầu tư).

6.2. Nội dung đầu tư, giải pháp kỹ thuật

a) Tuyến đường

- Đường cấp IV đồng bằng theo TCVN4054-2005.

+ Vận tốc thiết kế: $V_{tk}=60\text{km/h}$.

+ Bề rộng nền đường: $B_n=9\text{m}$.

+ Bề rộng mặt đường: $B_m=7\text{m}$.

+ Bề rộng lề đường không gia cố: $B_l=2\times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$.

+ Bề rộng lề gia cố: $B_l=2\times 0,5\text{m}=1,0\text{m}$ (riêng đối với đoạn qua khu vực đông dân cư gia cố toàn bộ phần lề đường).

- Kết cấu móng, mặt đường: Móng cấp phối đá dăm (lớp dưới dày 20cm, lớp trên dày 15cm; riêng đối với những đoạn nâng cấp trên tuyến đường cũ, lớp dưới dày 16cm và được bù vênh mặt đường cũ bằng cấp phối đá dăm loại II); mặt đường bằng bê tông nhựa C19 dày 7cm. Cường độ mặt đường yêu cầu $E_{yc}\geq 130\text{Mpa}$.

- Kết cấu nền đường: Đắp bằng đất đồi đầm lèn đạt độ chặt $K\geq 0,95$, riêng lớp đất dưới đáy kết cấu áo đường dày 50cm đầm lèn đạt độ chặt $K\geq 0,98$. Độ dốc mái ta luy nền đắp 1/1,5, mái taluy nền đào từ 1/0,3-1/1 (tùy thuộc vào địa chất); đối với những đoạn có chiều cao đào lớn (lớn hơn 8m đối với địa chất là đất, 12m đối với địa chất là đá), mái taluy bố trí bậc thêm rộng 2m. Gia cố mái taluy nền đường đắp bằng trồng cỏ, riêng đối với những đoạn qua ao, hồ mái taluy được gia cố bằng đá hộc xây vữa xi măng.

- Nút giao: Kết cấu nền, móng, mặt đường giống với tuyến đường chính.

- Vuốt nổi đường ngang đảm bảo êm thuận: Kết cấu mặt đường phù hợp với kết cấu mặt đường hiện trạng.

- Bó vỉa, đan rãnh: Bề mặt bê tông xi măng M200 lắp ghép, bố trí tại những đoạn có rãnh hộp kín.

- Hoàn trả tường chắn đê sông Mực bằng bê tông xi măng M200.

- Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí đầy đủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về biển báo hiệu đường bộ QCVN 41:2012/BGTVT.

b) Công trình thoát nước

- *Thoát nước dọc*: Bề mặt chảy tỏa và rãnh dọc là rãnh đất, những đoạn có độ dốc $i \geq 6\%$ gia cố bằng BTCT lắp ghép, qua cống nhà dân bố trí thêm tấm đan bằng BTCT. Riêng đối với những đi qua khu dân cư sử dụng hệ thống rãnh hộp bằng cấu kiện BTCT lắp ghép, tấm đan bằng BTCT.

- *Thoát nước ngang*: Xây dựng vĩnh cửu, kết cấu bằng bê tông và BTCT, tải trọng thiết kế H30-Xb80 đối với cống; HL93 đối với cầu.

+ Cống: Toàn tuyến xây dựng 20 cống thoát nước ngang (cống tròn, cống hộp). Kết cấu công trình bằng bê tông, BTCT.

+ Tràn: Xây dựng 01 tràn liên hợp cầu bản 2x6m. Bề rộng mặt tràn $B=9m$; kết cấu mặt tràn bằng bê tông. Cầu bản trong tràn có kết cấu bằng bê tông, BTCT.

+ Cầu bắc qua sông Máng: Khổ cầu $B=9+2 \times 0,5m=10m$, chiều dài toàn cầu $L_c=22,5m$. Kết cấu nhịp giản đơn, sơ đồ nhịp $1 \times 15m$, tiết diện dầm chữ T bằng BTCT 35Mpa. Mặt cắt ngang gồm 5 phiến dầm, liên kết giữa các phiến dầm bằng dầm ngang và mối nối dọc bằng BTCT 30Mpa. Mặt cầu bằng bê tông lưới thép 30Mpa đặt trên lớp phòng nước Radcon7; gối cầu bằng cao su bản thép, khe co giãn dạng ray. Mô cầu dạng chữ U bằng BTCT 25Mpa, bệ móng đặt trên hệ cọc BTCT 25Mpa, kích thước $(35 \times 35)cm$, bản chuyển tiếp bằng BTCT 25Mpa. Lan can, tay vịn bằng thép ống; gờ chắn bánh bằng BTCT 25Mpa.

(Chi tiết các nội dung có hồ sơ kèm theo)

7. Địa điểm xây dựng: Trên địa bàn các xã Hải Vân, Hải Long, huyện Như Thanh.

8. Diện tích đất sử dụng: Khoảng 10,5ha.

9. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm B, công trình giao thông cấp III.

10. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: Chấp thuận danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn theo báo cáo của Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 941/SGTVT-TĐKHKT ngày 14/3/2016.

11. Phương án giải phóng mặt bằng: UBND huyện Như Thanh tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

12. Tổng mức đầu tư:	80.006 triệu đồng.
Trong đó: - Chi phí bồi thường GPMB	: 13.000 triệu đồng;
- Chi phí xây dựng	: 50.047 triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án	: 793 triệu đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXD	: 3.547 triệu đồng;
- Chi phí khác	: 3.396 triệu đồng;
- Chi phí dự phòng	: 9.223 triệu đồng.

(chi tiết Tổng mức đầu tư có phụ lục kèm theo)

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương (Chương trình mục tiêu phát triển hạ tầng du lịch).

14. Thời gian thực hiện: 04 năm (từ năm 2016 - 2019).

15. Các bước thiết kế: Thiết kế 02 bước (thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công).

16. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Giao UBND huyện Như Thanh tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm tiếp thu, thực hiện đầy đủ các ý kiến tại Báo cáo thẩm định số 941/SGTVT-TĐKHKT ngày 14/3/2016 của Sở Giao thông vận tải và các ngành, đơn vị liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Chủ tịch UBND huyện Như Thanh, Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Lưu:VT, CN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Anh Tuấn

PHỤ BÌU: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường tỉnh 520 đến QL45 vào khu du lịch

sinh thái Bèn En, huyện Như Thanh

(Kèm theo Quyết định số: 958/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung chi phí	Cách tính	Thành tiền
	Tổng cộng (TMĐT):	(I+II+III+IV+V+VI)	80.006
I	Chi phí bồi thường GPMB	Ggpmb	13.000
II	Chi phí xây dựng (Gxd)	Gxd	50.047
III	Chi phí quản lý dự án (Gqlđ)	1,742% x Gxd/1,1	793
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (Gxd)	Gtv	3.547
1	Lập dự án	Gxd x 0,372%	186,0
2	Khảo sát bước lập dự án		751,0
3	Khảo sát bước lập TKBVTC-DT	Tạm tính	700,0
4	Lập TKBVTC-DT	Gxd x 1,157%	579,0
5	Lựa chọn nhà thầu các gói thầu	0,200% x Ggt	110,0
6	Giám sát thi công xây dựng công trình	Gxd x 1,926%	964,0
7	Giám sát, đánh giá dự án	20,0% x Gqlđ	159,0
8	Thẩm tra an toàn giao thông		98,0
V	Chi phí khác (Gk)	Gk	3.396
1	Chi phí hạng mục chung		2.002,0
2	Bảo hiểm xây dựng công trình	0,300% x Gxd	150,0
3	Thẩm định dự án	0,014% x TMĐT	11,0
4	Thẩm định thiết kế	0,077% x Gxd/1,1	35,0
5	Thẩm định dự toán	0,073% x Gxd/1,1	37,0
6	Thẩm định KQĐT, HSMT các gói thầu	0,100% x Ggt	55,0
7	Kiểm toán	0,645% x TMĐT	516,0
8	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	0,415% x TMĐT x 0,5	166,0
9	Rà phá bom mìn, vật nổ		225,0
10	Lập hồ sơ cắm cọc GPMB	Tạm tính	169,0
11	Chi phí kiểm tra của Cơ quan QLNN		30,0
VI	Chi phí dự phòng	Gdp	9.223
1	Dự phòng cho khối lượng phát sinh	(I+II+III+IV+V)*10%	7.078
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	(I+II+III+IV+V)*3,03%	2.145